

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/KDTM-ST  
Ngày: 15/9/2025  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ
- Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2025/KDTM-ST ngày 11/7/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-KDTM ngày 08/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐST-KDTM ngày 28/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1); trụ sở: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

- Ông Tăng Ngọc T - chức vụ: Chuyên viên chính xử lý nợ;
- Ông Nguyễn Trọng T1 - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ;

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng A, số I C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Là người đại diện theo uỷ quyền, theo văn bản uỷ quyền số 567/2025/UQN-PGD ngày 03/4/2025. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH G; trụ sở: 546/3, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Mai Thị B - chức danh: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị B, sinh năm 1987; địa chỉ: 5, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Ông Ngô Xuân H, sinh năm 1985; địa chỉ: 5, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V2) trình bày:*

Ngày 16/06/2023, Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Thành phố H – Phòng G1 cho Công ty TNHH G vay vốn theo Hợp đồng cho vay số CLC-1336-01 và kèm theo khế ước nhận nợ số: 290824-11601129-ONL-4 ngày 29/08/2024, số tiền vay là 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh sản xuất giày dép, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16.00%/năm. Bên cạnh đó, theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN số AL7602347 ngày 09/10/2023 thì Ngân hàng còn cho Công ty TNHH G cấp thẻ tín dụng với tổng hạn mức là 100.000.000 đồng, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 34%.

Đề bảo đảm cho các khoản vay trên, cá nhân bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H đồng ý bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH G trong trường hợp Công ty TNHH G2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tại Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2566/23/SME/BLCN-01 ngày 16/06/2023 và Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2566/23/SME/BLCN-02 ngày 16/06/2023.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH G đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo các Hợp đồng cho vay và các văn kiện tín dụng đã ký với Ngân hàng V1. Vì vậy, khoản vay của Công ty TNHH G đã bị chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/10/2024. Do quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng V1 bị ảnh hưởng nên Ngân hàng V1 có đơn khởi kiện đối với Công ty TNHH G, yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Buộc Công ty TNHH G phải thanh toán ngay một lần cho V1 số tiền nợ tạm tính đến 15/09/2025 đối với khoản nợ vay và khoản nợ thẻ tín dụng. Cụ thể:

+ Khoản nợ vay gồm: Nợ gốc quá hạn 450.000.000 đồng, Nợ lãi quá hạn 105.064.446 đồng, Nợ lãi chậm trả 14.416.868 đồng. Tổng cộng là 569.481.314 đồng.

+ Khoản nợ thẻ tín dụng gồm: Nợ gốc quá hạn 97.717.323 đồng, N lãi quá hạn và phạt 59.666.465 đồng. Tổng cộng là 157.383.788 đồng.

Kể từ ngày 16/09/2025, Công ty TNHH G còn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng và các hợp đồng, văn bản đã ký với Ngân hàng V1 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay.

- Trường hợp Công ty TNHH G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng V1 thì bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH G theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng V1.

- Công ty TNHH G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng có liên quan trong quá trình giải quyết vụ án.

*Đối với ý kiến của bị đơn Công ty TNHH G:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết công khai cho Công ty TNHH G biết để Công ty TNHH G cử người đại diện đến Tòa án làm việc, hoà giải, xét xử về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty TNHH G không cử người đại diện đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập và niêm yết công khai cho bà B và ông H biết để bà B và ông H đến Tòa án làm việc, hoà giải, xét xử về các vấn đề có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà B và ông H không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà B và ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Quá trình vay tín dụng, Công ty TNHH G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V2) khởi kiện yêu cầu bị đơn công ty TNHH G về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công ty có địa chỉ trụ sở: 546/3 khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay thuộc 546/3, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH G; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H đã được triệu tập và niêm yết công khai thông tin để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai để triệu tập Công ty TNHH G (là bị đơn), bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) tham gia hoà giải, xét xử để giải quyết vụ án nhưng bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do; không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ; không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Công ty TNHH G, bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 16/06/2023, Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH G ký kết Hợp đồng cho vay số CLC-1336-01, với số tiền vay là 450.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh sản xuất giày dép, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 16.00%/năm. Bên cạnh đó, ngày 09/10/2023, Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH G ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN số AL7602347, với số tiền hạn mức là 100.000.000 đồng, thời hạn hạn mức tín dụng thẻ là 60 tháng, lãi suất trong hạn là 34%. Các Hợp đồng này, được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng TMCP V với Công ty TNHH G, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Thực hiện theo hợp đồng này, Ngân hàng TMCP V giải ngân cho Công ty TNHH G vay số tiền 450.000.000 đồng tại khế ước nhận nợ số: 290824-11601129-ONL-4 ngày 29/08/2024 và đồng thời đã kích hoạt thẻ tín dụng cho Công ty TNHH G. Quá trình trả nợ vay thì Công ty TNHH G không có trả nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V mà chỉ thanh toán cho tiền lãi với số tiền 3.561.283 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP V đã chuyển khoản vay của Công ty TNHH G sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 16/10/2024 cho đến nay. Xét thấy, Công ty TNHH G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng. Dẫn đến quyền lợi của Ngân hàng bị ảnh hưởng nên Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH G, yêu cầu Công ty TNHH G phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Ngày 16/06/2023, bà Mai Thị B và Ngân hàng TMCP V ký kết Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2566/23/SME/BLCN-01; cùng ngày 16/06/2023, ông Ngô Xuân H và Ngân hàng TMCP V ký kết Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2566/23/SME/BLCN-02, với nội dung là bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H đồng ý bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH G trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng cho vay và các văn kiện tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP V. Các hợp đồng này, được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng TMCP V với bà B và ông H, thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực và bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Do đó, trong trường hợp Công ty TNHH G không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu bà B và ông H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, tức là trả nợ thay cho Công ty TNHH G đối với Ngân hàng TMCP V, phù hợp với các Điều 335, 336, 342 Bộ luật Dân sự.

[3] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 96, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều: 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào các Điều: 335, 336, 342 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc Công ty TNHH G có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/9/2025 là 726.865.102 đồng (Bảy trăm hai mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm lẻ hai đồng). Trong đó: Nợ gốc (khoản vay và thẻ tín dụng) là 547.717.323 đồng (Năm trăm bốn mươi bảy triệu, bảy trăm mười bảy nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng), nợ lãi (lãi quá hạn, lãi chậm trả và lãi phạt) là 179.147.779 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng).

Kể từ ngày 16/09/2025, Công ty TNHH G còn vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi chậm trả theo Hợp đồng cho vay số CLC-1336-01 ngày 16/06/2023; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho KHDN số AL7602347 ngày 09/10/2023 mà các bên đã ký kết cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

- Trường hợp Công ty TNHH G không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nói trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì bà Mai Thị B và ông Ngô Xuân H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty TNHH G theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2566/23/SME/BLCN-01 ngày 16/06/2023 và Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-2566/23/SME/BLCN-02 ngày 16/06/2023 mà các bên đã ký kết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH G phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 33.074.604 đồng (Ba mươi ba triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, sáu trăm lẻ bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 14.766.025 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm hai mươi lăm đồng) đã

nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toá án số 0001891 ngày 04/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV 16 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS KV 16 – TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đào Thị Thu Vân**